



Công ty Cổ phần Xây dựng số 2

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017



Công ty Cổ phần Xây dựng số 2
Thông tin về Công ty

Quyết định thành lập số 1284/QĐ-BXD ngày 29 tháng 9 năm 2003

Giấy chứng nhận
Đăng ký kinh doanh số 0103003086 ngày 24 tháng 10 năm 2003

Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp
công ty cổ phần số 0100105895 ngày 18 tháng 8 năm 2011

Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100105895 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 15 tháng 9 năm 2016.

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Việt Cường	Chủ tịch (<i>từ ngày 8/5/2017</i>)
Ông Đỗ Trọng Quỳnh	Chủ tịch (<i>đến ngày 8/5/2017</i>)
Ông Trần Ngọc Long	Ủy viên
Ông Nguyễn Đăng Gô Ganh	Ủy viên
Ông Đỗ Trọng Huân	Ủy viên (<i>từ ngày 25/4/2017</i>)
Ông Nguyễn Việt Cường	Ủy viên (<i>đến ngày 8/5/2017</i>)
Ông Lò Hồng Hiệp	Ủy viên (<i>đến ngày 25/4/2017</i>)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Trần Ngọc Long	Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Bảo Hưng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Trọng Huân	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Cường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Chính	Phó Tổng Giám đốc (<i>từ ngày 12/6/2017</i>)
Ông Nguyễn Việt Cường	Phó Tổng Giám đốc (<i>đến ngày 8/5/2017</i>)
Ông Vũ Duy Long	Phó Tổng Giám đốc (<i>đến ngày 5/5/2017</i>)

Ban Kiểm soát

Ông Đặng Thanh Huân	Trưởng ban Kiểm soát
Ông Nguyễn Kiên Trung	Thành viên
Ông Vũ Anh Tuấn	Thành viên

Trụ sở đăng ký

Tầng 2 - 4, Tòa nhà D1 - Khu đô thị mới Kim Văn - Kim Lũ
Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai
Thành phố Hà Nội
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam


Công ty Cổ phần Xây dựng số 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc


Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng số 2 (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 48 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty và các công ty con sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

Trưởng Ban Tổng Giám đốc 



Trần Ngọc Long
Tổng Giám đốc

Hà Nội, 14-08-2017



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84-4 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Xây dựng số 2

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Xây dựng số 2 ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 14-08-2017, được trình bày từ trang 5 đến trang 48.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410, "Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện".

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

Ngày 10 tháng 3 năm 2017, Đoàn thanh tra của Cục thuế Thành phố Hà Nội đã ký biên bản thanh tra tình hình thực hiện nghĩa vụ thuế của Công ty, trong đó yêu cầu Công ty nộp bổ sung cho Ngân sách Nhà nước số thuế thu nhập doanh nghiệp của năm 2009 và năm 2010 với tổng số tiền là 7.422 triệu VND, mà trước đây Công ty đã kê khai giảm 50% trong các năm tài chính 2009 và 2010 theo chính sách ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp đối với doanh nghiệp niêm yết chứng khoán lần đầu trong giai đoạn 2004 - 2006. Ngày 8 tháng 8 năm 2017, Công ty đã thực hiện kê khai và nộp Ngân sách Nhà nước số tiền đã nêu và giao dịch này sẽ được phản ánh trong báo cáo tài chính quý 3 của Công ty. Theo quan điểm của chúng tôi, Công ty cần ghi nhận số thuế phải nộp nói trên là chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017. Nếu Công ty ghi nhận số thuế phải nộp nói trên trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017, lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 sẽ giảm là 7.422 triệu VND, thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 sẽ tăng và giảm một khoản tương ứng là 7.422 triệu VND.

Kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề được mô tả tại đoạn "Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ", chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Xây dựng số 2 tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 17-02-141-SX-HN



Đàm Xuân Lâm

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

kiểm toán số: 0861-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, 14-08-2017

Công ty Cổ phần Xây dựng số 2
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

Mẫu B 01a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		2.115.391.952.353	2.289.213.028.127
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	8	108.179.237.808	133.179.198.211
Tiền	111		4.348.705.252	29.596.775.238
Các khoản tương đương tiền	112		103.830.532.556	103.582.422.973
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		56.980.000.000	56.060.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	9	56.980.000.000	56.060.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		778.945.748.257	697.357.821.793
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	10	530.611.422.444	476.174.942.039
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		79.099.008.196	59.036.618.858
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		7.000.000.000	7.000.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	11	171.924.772.653	164.835.715.932
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	12	(9.689.455.036)	(9.689.455.036)
Hàng tồn kho	140	13	1.169.597.154.231	1.400.160.913.996
Hàng tồn kho	141		1.170.182.046.899	1.400.745.806.664
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(584.892.668)	(584.892.668)
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.689.812.057	2.455.094.127
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		177.062.932	216.796.667
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		56.348.488	56.348.488
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	21(a)	1.456.400.637	2.181.948.972

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Xây dựng số 2

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		189.972.516.991	230.940.821.187
Tài sản cố định	220		58.452.373.709	49.821.099.585
Tài sản cố định hữu hình	221	14	58.452.373.709	49.821.099.585
<i>Nguyên giá</i>	222		97.405.102.960	87.004.434.728
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(38.952.729.251)	(37.183.335.143)
Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		54.587.600	54.587.600
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(54.587.600)	(54.587.600)
Bất động sản đầu tư	230	15	24.240.947.484	32.461.802.131
<i>Nguyên giá</i>	231		26.587.682.934	34.606.444.203
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		(2.346.735.450)	(2.144.642.072)
Tài sản dở dang dài hạn	240		38.118.983.896	88.627.761.875
Xây dựng cơ bản dở dang	242	16	38.118.983.896	88.627.761.875
Đầu tư tài chính dài hạn	250	17	45.540.220.144	44.665.716.304
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		48.991.355.000	48.991.355.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(3.451.134.856)	(4.325.638.696)
Tài sản dài hạn khác	260		23.619.991.758	15.364.441.292
Chi phí trả trước dài hạn	261	18	23.619.991.758	15.364.441.292
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		2.305.364.469.344	2.520.153.849.314

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Xây dựng số 2

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		2.029.759.975.790	2.241.282.675.321
Nợ ngắn hạn	310		1.964.386.837.544	2.233.314.154.224
Phải trả người bán ngắn hạn	311	19	244.880.108.312	265.522.454.488
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	20	649.775.577.445	745.353.862.233
Thuế và các khoản khác phải nộp				
Nhà nước	313	21(b)	26.870.596.185	21.767.508.495
Phải trả người lao động	314		4.813.226.042	10.476.275.359
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	22	129.093.657.629	132.329.572.887
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		245.216.982	9.849.328.879
Phải trả ngắn hạn khác	319	23	407.035.912.123	669.399.618.639
Vay ngắn hạn	320	24(a)	498.849.022.800	377.155.993.545
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		919.110.317	1.060.862.785
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.904.409.709	398.676.914
Nợ dài hạn	330		65.373.138.246	7.968.521.097
Người mua trả tiền trước dài hạn	332	20	51.520.805.620	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		5.604.267.883	3.887.370.910
Vay dài hạn	338	24(b)	5.104.292.000	520.000.000
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		21.361.800	94.751.665
Dự phòng phải trả dài hạn	342		3.122.410.943	3.466.398.522

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Xây dựng số 2

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		275.604.493.554	278.871.173.993
Vốn chủ sở hữu	410	25	275.604.493.554	278.871.173.993
Vốn cổ phần	411	26	150.000.000.000	150.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		150.000.000.000	150.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		23.218.959.196	23.221.689.196
Quỹ đầu tư phát triển	418	28	80.537.803.275	80.537.803.275
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		1.667.255.027	1.667.255.027
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		13.757.473.755	17.478.327.269
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		260.919.474	795.255.891
- LNST chưa phân phối trong kỳ/năm	421b		13.496.554.281	16.683.071.378
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		6.423.002.301	5.966.099.226
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		2.305.364.469.344	2.520.153.849.314

14 -08- 2017

Người lập:

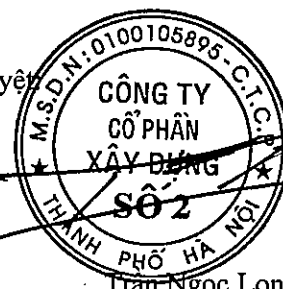


Nguyễn Thị Hưng Hoa
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Đỗ Quang Việt
Kế toán trưởng



Trần Ngọc Long
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Xây dựng số 2
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Mẫu B 02a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	29	976.864.250.244	318.298.558.497
Giá vốn hàng bán	11	30	898.170.866.718	289.882.479.233
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		78.693.383.526	28.416.079.264
Doanh thu hoạt động tài chính	21		3.847.684.763	1.579.709.447
Chi phí tài chính	22	31	12.171.527.775	5.550.099.363
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>13.046.031.615</i>	<i>6.167.249.243</i>
Chi phí bán hàng	25		12.044.698.455	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	32	29.224.644.957	21.472.222.144
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 25 - 26)	30		29.100.197.102	2.973.467.204
Thu nhập khác	31		490.355.689	328.691.631
Chi phí khác	32	33	8.690.449.363	43.520.603
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(8.200.093.674)	285.171.028
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		20.900.103.428	3.258.638.232
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	35	7.022.765.937	1.094.423.908
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	35	(73.389.865)	(15.791.946)
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang sang trang sau)	60		13.950.727.356	2.180.006.270

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Xây dựng số 2**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng****kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 02a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang sang từ trang trước)	60		13.950.727.356	2.180.006.270
Phân bổ:				
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		13.496.554.281	2.273.213.624
Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		454.173.075	(93.207.354)
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	36	900	153

14 -08- 2017

Người lập:


Nguyễn Thị Hưng Hoa
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:


Đỗ Quang Việt
Kế toán trưởngTrần Ngọc Long
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Xây dựng số 2

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
(Phương pháp gián tiếp)**

Mẫu B 03a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		20.900.103.428	3.258.638.232
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		1.971.487.486	3.464.996.241
Các khoản dự phòng	03		(1.360.243.887)	(91.718.311)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(3.847.555.658)	(1.584.462.297)
Chi phí lãi vay	06		13.046.031.615	6.167.249.243
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		30.709.822.984	11.214.703.108
Biến động các khoản phải thu	09		(80.227.674.775)	26.191.486.467
Biến động hàng tồn kho	10		288.422.076.237	(145.187.153.389)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(310.308.104.432)	292.347.797.039
Biến động chi phí trả trước	12		(8.215.816.731)	(4.394.618.735)
			(79.619.696.717)	180.172.214.490
Tiền lãi vay đã trả	14		(52.299.492.489)	(20.163.542.925)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(11.180.523.541)	(2.587.710.790)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	89.000.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(711.675.000)	(1.478.263.788)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(143.811.387.747)	156.031.696.987
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21		(9.731.445.456)	(7.062.129.092)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		-	3.445.000.000
Tiền thuần đầu tư vào tiền gửi có kỳ hạn	23		(920.000.000)	-
Tiền thu lãi tiền gửi, cho vay và cổ tức	27		3.212.852.304	1.134.998.534
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(7.438.593.152)	(2.482.130.558)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Xây dựng số 2

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
(Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)**

Mẫu B 03a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ tái phát hành cổ phiếu quỹ	31		-	2.000.220.074
Tiền thu từ đi vay	33		328.820.202.835	86.184.020.192
Tiền trả nợ gốc vay	34		(202.542.881.580)	(129.946.697.891)
Tiền trả cổ tức	36		(27.300.759)	(1.690.620)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		126.250.020.496	(41.764.148.245)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		(24.999.960.403)	111.785.418.184
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		133.179.198.211	67.303.876.249
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)	70	8	108.179.237.808	179.089.294.433

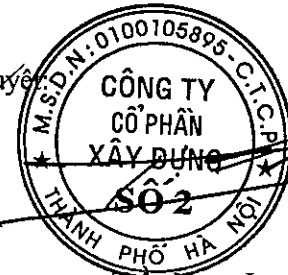
14 -08- 2017

Người lập:

Nguyễn Thị Hưng Hoa
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

Đỗ Quang Việt
Kế toán trưởng



Trần Ngọc Long
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Xây dựng số 2
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xây dựng số 2 (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 bao gồm Công ty và các công ty con.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty và các công ty con là:

- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông đường bộ các cấp, cầu cống, thủy lợi, buru điện, nền móng, các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, các công trình đường dây, trạm biến thế điện đến 110 KV; thi công san lấp nền móng, xử lý nền đất yếu, các công trình xây dựng cấp thoát nước; lắp đặt ống công nghệ và áp lực, điện lạnh;
- Xây dựng phát triển nhà, kinh doanh bất động sản;
- Sửa chữa, thay thế, lắp đặt máy móc, thiết bị, các loại kết cấu bê tông, kết cấu thép, các hệ thống kỹ thuật công trình (thang máy, điều hòa, thông gió, phòng cháy, cấp thoát nước);
- Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng (cát, đá, sỏi, gạch, ngói, xi măng, cầu kiện bê tông, bê tông thương phẩm và các vật liệu xây dựng khác dùng trong xây dựng, trang trí nội thất) (chỉ được kinh doanh khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Tư vấn đầu tư, thực hiện các dự án đầu tư xây dựng, lập dự án, tư vấn đấu thầu, tư vấn giám sát, quản lý dự án;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, máy móc, thiết bị, phụ tùng, tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng, nguyên liệu sản xuất, dây chuyền công nghệ, máy móc, thiết bị tự động hóa, vật liệu xây dựng, phương tiện vận tải;
- Đại lý cho các hãng trong và ngoài nước kinh doanh các mặt hàng phục vụ sản xuất và tiêu dùng; và
- Dịch vụ quản lý bất động sản, tư vấn bất động sản.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty và các công ty con nằm trong phạm vi 12 tháng.

Công ty Cổ phần Xây dựng số 2
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày báo cáo, Công ty có 2 công ty con (1/1/2017: 2 công ty con), chi tiết như sau:

	% lợi ích và quyền biểu quyết	
	30/6/2017	1/1/2017
Công ty CP Xây lắp điện nước và Phòng cháy chữa cháy Vinaconex2	68,25%	68,25%
Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Đầu tư và Dịch vụ Đô thị VC2	100%	100%

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty và các công ty con có 2.606 nhân viên (1/1/2017: 2.897 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty và các công ty con là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty và các công ty con là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.



Công ty Cổ phần Xây dựng số 2

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty và các công ty con áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Công ty trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Công ty trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

(iii) Mất quyền kiểm soát

Khi mất quyền kiểm soát tại một công ty con, Công ty dùng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các cấu phần vốn chủ sở hữu khác. Lãi hoặc lỗ phát sinh từ sự kiện này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi thoái vốn phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó (nếu có) được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính của công ty mẹ, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua nếu Công ty vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư, hoặc trình bày theo giá gốc của khoản đầu tư còn lại nếu không còn ảnh hưởng đáng kể.

(iv) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

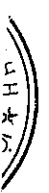
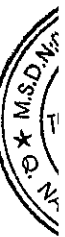
Các số dư trong nội bộ Công ty và các công ty con và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty hoặc các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.



Công ty Cổ phần Xây dựng số 2
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc của Công ty hoặc các công ty con dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty hoặc các công ty con khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của dự án bất động sản được tính theo phương pháp thực tế đích danh và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, giá gốc bao gồm quyền sử dụng đất, chi phí phát triển đất và cơ sở hạ tầng và chi phí xây dựng. Giá gốc của các nhóm hàng tồn kho khác được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty và các công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

10/10
C
CH
K
/10

Công ty Cổ phần Xây dựng số 2
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- | | |
|----------------------------|------------|
| ▪ nhà cửa và vật kiến trúc | 5 – 25 năm |
| ▪ máy móc và thiết bị | 7 – 12 năm |
| ▪ dụng cụ văn phòng | 3 năm |
| ▪ phương tiện vận chuyển | 3 – 6 năm |

(h) Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm có:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất; và
- Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá và không trích khấu hao. Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá trị của quyền sử dụng đất được ghi nhận trong giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất.

1
2
3
4
5
6
7
8
9
10
11
12
13
14
15
16
17
18
19
20
21
22
23
24
25
26
27
28
29
30
31
32
33
34
35
36
37
38
39
40
41
42
43
44
45
46
47
48
49
50
51
52
53
54
55
56
57
58
59
60
61
62
63
64
65
66
67
68
69
70
71
72
73
74
75
76
77
78
79
80
81
82
83
84
85
86
87
88
89
90
91
92
93
94
95
96
97
98
99
100

Công ty Cổ phần Xây dựng số 2
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(i) Bất động sản đầu tư cho thuê

(i) Nguyên giá

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi ban quản lý. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nhà cửa 30 – 50 năm

(j) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng chưa được hoàn thành. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng.

(k) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty và các công ty con nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(ii) Chi phí giàn giáo cốp pha

Chi phí giàn giáo cốp pha phản ánh giá trị giàn giáo cốp pha, công cụ, dụng cụ, vật tư, thiết bị phục vụ thi công các công trình được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được ghi nhận là các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ là 3 năm.

(l) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

Công ty Cổ phần Xây dựng số 2
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(m) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty và các công ty con có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(i) Chi phí bảo hành

Khoản dự phòng về chi phí bảo hành liên quan chủ yếu tới hàng hóa đã bán ra và dịch vụ đã cung cấp trong kỳ kế toán. Khoản dự phòng được lập dựa trên ước tính xuất phát từ các dữ liệu thống kê lịch sử về chi phí bảo hành đã phát sinh liên quan tới các sản phẩm và dịch vụ tương tự.

(ii) Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Ngày 14 tháng 8 năm 2003, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 82/2003/TT-BTC (“Thông tư 82”) hướng dẫn trích lập, quản lý, sử dụng và hạch toán Quỹ dự phòng về trợ cấp mất việc làm tại doanh nghiệp. Theo đó, quỹ dự phòng về trợ cấp mất việc làm dùng để chi trợ cấp thôi việc và được trích lập ở mức từ 1% - 3% trên quỹ tiền lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội của doanh nghiệp. Trước ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty trích lập dự phòng trợ cấp thôi việc theo quy định của Thông tư 82.

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Công ty không phải trả dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 1 tháng 1 năm 2009. Khoản dự phòng trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.

Ngày 24 tháng 10 năm 2012, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 180/2012/TT-BTC (“Thông tư 180”) hướng dẫn xử lý tài chính về chi trợ cấp mất việc làm cho người lao động tại doanh nghiệp. Thông tư 180 quy định rằng, khi lập báo cáo tài chính cho năm 2012, nếu quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm của doanh nghiệp (tài khoản 351 - Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm) còn số dư, doanh nghiệp phải hoàn nhập số dư này vào tài khoản thu nhập khác năm 2012 và không được chuyển số dư này sang năm sau. Ban Tổng Giám đốc Công ty tin rằng Thông tư 180 cũng áp dụng đối với dự phòng trợ cấp thôi việc. Do đó, Công ty đã hoàn nhập số dư của dự phòng trợ cấp thôi việc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 sang tài khoản thu nhập khác cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 và không tiếp tục trích lập dự phòng trợ cấp thôi việc nữa.

T.T.T.
HẠN
P.H.

Công ty Cổ phần Xây dựng số 2
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(n) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

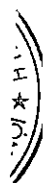
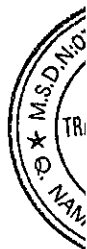
(o) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.



Công ty Cổ phần Xây dựng số 2
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(p) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, Công ty đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo giá trị khối lượng thực hiện đã được khách hàng xác nhận theo từng lần nghiệm thu và lập phiếu giá thanh toán. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan đến khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iv) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(v) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(q) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

CÔNG
HÀNH
KẾ
TÍNH
TỔNG
HỢP

Công ty Cổ phần Xây dựng số 2
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(r) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (“EPS”) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Công ty không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm năng.

(s) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty và các công ty con tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty và các công ty con là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(t) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty và các công ty con nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và các công ty con và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới công ty mẹ (Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam), và các công ty con và công ty liên kết của công ty mẹ.

4. Tính thời vụ của các hoạt động kinh doanh

Công ty không có hoạt động kinh doanh nào có tính thời vụ có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

5. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Trong kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017, không có sự thay đổi trọng yếu về các ước tính kế toán đã được thực hiện từ cuối kỳ kế toán năm trước.

6. Các khoản mục bất thường

Công ty không có các khoản mục bất thường có thể ảnh hưởng đến báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

Công ty Cổ phần Xây dựng số 2
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

7. Báo cáo bộ phận theo hoạt động kinh doanh

Công ty gồm các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh chính như sau:

- Bộ phận xây lắp;
- Bộ phận kinh doanh bất động sản; và
- Bộ phận khác.

Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày:	Xây lắp		Kinh doanh bất động sản		Các hoạt động khác		Tổng	
	30/6/2017 VND	30/6/2016 VND	30/6/2017 VND	30/6/2016 VND	30/6/2017 VND	30/6/2016 VND	30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
Tổng doanh thu của bộ phận	569.874.635.326	190.020.100.014	404.842.100.919	126.879.658.418	2.147.513.999	1.398.800.065	976.864.250.244	318.298.558.497
Kết quả kinh doanh của bộ phận	38.355.140.339	14.821.429.893	39.462.904.780	13.140.311.936	875.338.407	454.337.435	78.693.383.526	28.416.079.264
Chi phí không phân bổ							(41.269.343.412)	(21.472.222.144)
Kết quả từ các hoạt động kinh doanh							37.424.040.114	6.943.857.120
Doanh thu tài chính							3.847.684.763	1.579.709.447
Chi phí tài chính							(12.171.527.775)	(5.550.099.363)
(Lỗ)/lãi từ hoạt động khác							(8.200.093.674)	285.171.028
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành							(7.022.765.937)	(1.094.423.908)
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại							73.389.865	15.791.946
Lợi nhuận thuần sau thuế							13.950.727.356	2.180.006.270

Công ty Cổ phần Xây dựng số 2
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Tài ngày:	Xây lắp		Kinh doanh bất động sản		Các hoạt động khác		Tổng	
	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Tài sản của bộ phận Tài sản không phân bổ	267.908.705.180	729.404.605.419	1.027.836.637.684	1.295.939.319.365	14.854.094.728	22.550.885.502	1.310.599.437.592	2.047.894.810.286
Tổng tài sản							994.765.031.752	472.259.039.028
Nợ phải trả của bộ phận Các khoản nợ không phân bổ	131.752.133.256	154.115.503.530	105.823.028.893	106.486.937.006	7.304.946.163	4.764.764.369	244.880.108.312	265.367.204.905
Tổng nợ phải trả							1.784.879.867.478	1.975.915.470.416
Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày							2.029.759.975.790	2.241.282.675.321
Chi tiêu vốn	Xây lắp		Kinh doanh bất động sản		Các hoạt động khác		Tổng	
	30/6/2017 VND	30/6/2016 VND	30/6/2017 VND	30/6/2016 VND	30/6/2017 VND	30/6/2016 VND	30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	9.574.345.456	4.305.545.456	-	2.724.783.636	157.100.000	31.800.000	9.731.445.456	7.062.129.092
Khấu hao tài sản cố định vô hình	1.398.738.264	2.362.008.865	133.333.332	-	237.322.512	547.031.765	1.769.394.108	2.909.040.630
Khấu hao bất động sản đầu tư	-	68.631.564	-	-	-	-	-	68.631.564
	-	-	202.093.378	487.324.047	-	-	202.093.378	487.324.047

Công ty Cổ phần Xây dựng số 2
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

8. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Tiền mặt	994.937.100	1.128.142.912
Tiền gửi ngân hàng	3.353.768.152	28.468.632.326
Các khoản tương đương tiền	103.830.532.556	103.582.422.973
	<hr/>	<hr/>
	108.179.237.808	133.179.198.211
	<hr/>	<hr/>

Các khoản tương đương tiền tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 bao gồm 101.218 triệu VND (1/1/2017: 95.582 triệu VND) được dùng để thế chấp ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 24(a)).

9. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Giá gốc và giá trị hợp lý	
	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn		
Tiền gửi có kỳ hạn	56.980.000.000	56.060.000.000
	<hr/>	<hr/>

Tại ngày báo cáo, khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn có giá trị 53.220 triệu VND được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho khoản vay của Công ty (Thuyết minh 24(a)).

Công ty Cổ phần Xây dựng số 2
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn

	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Công ty mẹ		
và các Ban quản lý Dự án trực thuộc Công ty mẹ		
Dự án An Khánh-Splendora Zone 8	52.323.193.683	52.323.193.683
Chung cư 2B - Vinata Tower (Ban KHKT)	32.038.388.404	1.648.932.202
Trụ sở Tổng cục Hải quan	-	7.006.760.973
Trụ sở Bộ Công An	8.371.846.940	8.371.846.940
TTTM nhà ở cao tầng và thấp tầng Hanovid	55.991.221.007	25.587.584.159
Dự án Đường Láng Hòa Lạc	5.977.520.622	5.194.847.496
Các dự án khác	14.426.585.060	12.505.565.966
	<hr/>	<hr/>
	169.128.755.716	112.638.731.419
Các bên thứ ba		
Trung tâm phát triển quỹ đất	76.737.617.079	100.843.058.614
Khu nhà ở Công ty nước sạch Viwaseen	47.124.883.200	35.132.045.200
Tòa nhà 130 Nguyễn Đức Cảnh	24.991.276.834	26.491.276.834
Dự án Ecolife Capital	10.457.158.465	21.577.676.144
Tòa nhà MD Complex	17.699.595.000	20.696.119.000
Dự án Bitexco Hà Nội	7.528.556.667	13.917.245.869
Viễn thông Quảng Ninh	1.999.999.999	1.999.999.999
Các khách hàng khác	174.943.579.484	142.878.788.960
	<hr/>	<hr/>
	530.611.422.444	476.174.942.039
	<hr/>	<hr/>

Khoản phải thu thương mại từ công ty mẹ không có đảm bảo, không chịu lãi và có thể yêu cầu thanh toán khi yêu cầu.

Công ty Cổ phần Xây dựng số 2

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng

kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

11. Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Phải thu các đội xây dựng (*)	151.283.770.235	148.412.396.397
Tạm ứng	7.606.111.139	3.538.032.335
Phải thu khác	13.034.891.279	12.885.287.200
	<hr/>	<hr/>
	171.924.772.653	164.835.715.932
	<hr/>	<hr/>

- (*) Phải thu các đội xây dựng là các khoản ứng trước cho các Chủ nhiệm công trình của Công ty, dựa trên hợp đồng giao khoán ký giữa Chủ nhiệm và Công ty, liên quan đến các công trình xây dựng do Công ty là nhà thầu thực hiện. Các khoản phải thu này sẽ được chuyển sang chi phí sản xuất kinh doanh dở dang khi các chi phí phát sinh có đủ chứng từ hợp lệ và được Công ty phê duyệt.

04:
NG
HIỆM
PM
LIÊN

Công ty Cổ phần Xây dựng số 2
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Nợ xấu và nợ khó đòi

		30/6/2017		
	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn				
Công ty CP Vinaconex 34	Trên 3 năm	7.000.000.000	(7.000.000.000)	-
Phải thu các tổ đội	Trên 3 năm	2.324.065.616	(2.288.058.208)	36.007.408
Khác	Trên 3 năm	401.396.828	(401.396.828)	-
		9.725.462.444	(9.689.455.036)	36.007.408

Trong đó:

Dự phòng phải thu khó đòi – ngắn hạn (9.689.455.036)

		1/1/2017		
	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn				
Công ty CP Vinaconex 34	Trên 3 năm	7.000.000.000	(7.000.000.000)	-
Phải thu các tổ đội	Trên 3 năm	2.324.065.616	(2.288.058.208)	36.007.408
Khác	Trên 3 năm	401.396.828	(401.396.828)	-
		9.725.462.444	(9.689.455.036)	36.007.408

Trong đó:

Dự phòng phải thu khó đòi – ngắn hạn (9.689.455.036)

Công ty Cổ phần Xây dựng số 2
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Hàng tồn kho

	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Nguyên vật liệu	1.096.022.402	1.201.542.600
Công cụ và dụng cụ	45.340.000	206.352.455
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	1.168.126.449.622	1.398.423.676.734
Thành phẩm	914.234.875	914.234.875
	1.170.182.046.899	1.400.745.806.664

(*) Chi tiết các dự án đầu tư kinh doanh bất động sản và xây dựng dở dang như sau:

	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Dự án Kim Văn - Kim Lũ	448.555.595.815	493.713.805.967
Công trình tòa nhà C36 Kim Văn - Kim Lũ	245.448.655.023	457.594.130.256
Công trình tòa nhà B36 Kim Văn - Kim Lũ	173.833.593.348	111.375.432.972
Dự án Quang Minh	44.374.068.894	53.544.461.485
Dự án mỏ đá Xuân Hòa	41.600.041.898	41.180.579.870
Dự án đường sắt đô thị Hà Nội	36.433.734.616	36.149.484.661
Khu đô thị mới Việt Hưng	21.880.848.308	3.983.729.635
Nhà ở cán bộ chiến sỹ Bộ công an	21.105.417.099	-
Toà nhà hỗn hợp ROYAL Park	2.167.602.349	26.848.375.924
Chung cư 2B Vinata Tower phần thân	6.795.561.500	24.086.232.255
Toà nhà hỗn hợp MD Complex Tower	15.846.491.356	15.846.491.356
Công trình ký túc xá Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh	13.687.501.823	13.687.501.823
Công trình The Manor Central Park	12.931.924.121	11.922.219.609
Ngân hàng Phát triển VDB	5.800.193.032	7.753.514.795
Công trình thủy điện Ngòi Hút	5.350.039.435	5.350.039.435
Công trình Đường Láng Hoà Lạc	652.425.474	2.261.965.009
Các công trình khác	71.662.755.531	93.125.711.682
	1.168.126.449.622	1.398.423.676.734

Trong kỳ, chi phí lãi vay được vốn hóa vào chi phí sản xuất kinh doanh dở dang là 10.547 triệu VND (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016: 6.204 triệu VND). Trong chi phí sản xuất kinh doanh dở dang tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 có 11.678 triệu VND (1/1/2017: 66.779 triệu VND) chi phí lãi vay lũy kế vốn hóa cho dự án Kim Văn - Kim Lũ.

Công ty Cổ phần Xây dựng số 2**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***14. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Dụng cụ văn phòng VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	44.643.265.052	30.072.104.260	1.248.515.406	11.040.550.010	87.004.434.728
Tăng trong kỳ	-	9.574.345.456	157.100.000	-	9.731.445.456
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	669.222.776	-	-	-	669.222.776
Số dư cuối kỳ	45.312.487.828	39.646.449.716	1.405.615.406	11.040.550.010	97.405.102.960
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	4.886.271.910	22.465.953.976	1.141.870.555	8.689.238.702	37.183.335.143
Khấu hao trong kỳ	659.336.545	849.041.723	237.322.512	23.693.328	1.769.394.108
Số dư cuối kỳ	5.545.608.455	23.314.995.699	1.379.193.067	8.712.932.030	38.952.729.251
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	39.756.993.142	7.606.150.284	106.644.851	2.351.311.308	49.821.099.585
Số dư cuối kỳ	39.766.879.373	16.331.454.017	26.422.339	2.327.617.980	58.452.373.709

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 có các tài sản có nguyên giá 32.204 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2017: 29.998 triệu VND).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty có tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 8.806 triệu VND (1/1/2017: Không) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 24(b)).



Công ty Cổ phần Xây dựng số 2**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng****kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***15. Bất động sản đầu tư****Bất động sản đầu tư cho thuê**

	Nhà cửa VND
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ	34.606.444.203
Giảm theo giá trị quyết toán	(8.018.761.269)
	<hr/>
Số dư cuối kỳ	26.587.682.934
	<hr/>
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	2.144.642.072
Khấu hao trong kỳ	202.093.378
	<hr/>
Số dư cuối kỳ	2.346.735.450
	<hr/>
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	32.461.802.131
Số dư cuối kỳ	24.240.947.484
	<hr/> <hr/>

Bất động sản đầu tư cho thuê của Công ty là Văn phòng và các cửa hàng cho thuê tại Tòa nhà D Dự án Kim Văn – Kim Lũ. Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư cho thuê không được xác định bởi vì không có một giao dịch gần đây trên thị trường cho bất động sản tương tự và nằm cùng địa điểm với bất động sản đầu tư của Công ty.

Công ty Cổ phần Xây dựng số 2
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

16. Xây dựng cơ bản dở dang

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	88.627.761.875	82.326.852.115
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(669.222.776)	-
Phân loại lại sang hàng tồn kho	(49.839.555.203)	-
Phân loại lại từ hàng tồn kho	-	2.539.812.234
Số dư cuối kỳ	38.118.983.896	84.866.664.349

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn là phần diện tích dùng cho mục đích quản lý và cho thuê trong tương lai tại Tòa nhà C thuộc Dự án Kim Văn - Kim Lũ do Công ty làm chủ đầu tư.

Công ty Cổ phần Xây dựng số 2

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

17. Đầu tư tài chính dài hạn

		30/6/2017				Giá trị hợp lý VND
Địa chỉ	Số lượng	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	
Đầu tư góp vốn vào:						
▪ <i>Đơn vị khác</i>						
• Công ty Tài chính CP Vinaconex - Viettel	Hà Nội	2.000.000	2,00%	20.000.000.000	-	(*)
• Công ty CP Đầu tư Điện lực Hà Nội	Hà Nội	1.750.000	5,53%	17.663.275.000	-	(*)
• Công ty CP Xi măng Yên Bình	Hà Nội	580.000	2,19%	5.800.000.000	(3.451.134.856)	(*)
• Công ty CP Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Chợ Bưởi	Hà Nội	480.000	15,56%	4.978.080.000	-	(*)
• Dự án xây dựng Khu tái định cư Khương Đình	Hà Nội			400.000.000	-	(*)
• Đầu tư vào công trình Chợ Thành Công	Hà Nội			150.000.000	-	(*)
				48.991.355.000	(3.451.134.856)	(*)

Công ty Cổ phần Xây dựng số 2

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

		1/1/2017				Giá trị hợp lý VND	
Địa chỉ	Số lượng	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	
Đầu tư góp vốn vào:							
▪ Đơn vị khác							
• Công ty Tài chính CP Vinaconex - Viettel	Hà Nội	2.000.000	2,00%	20.000.000.000	-	(*)	
• Công ty CP Đầu tư Điện lực Hà Nội	Hà Nội	1.750.000	5,53%	17.663.275.000	-	(*)	
• Công ty CP Xi măng Yên Bình	Hà Nội	580.000	2,19%	5.800.000.000	(4.325.638.696)	(*)	
• Công ty CP Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Chợ Bưởi	Hà Nội	480.000	15,56%	4.978.080.000	-	(*)	
• Dự án xây dựng Khu tái định cư Khương Đình	Hà Nội			400.000.000	-	(*)	
• Đầu tư vào công trình Chợ Thành Công	Hà Nội			150.000.000	-	(*)	
					48.991.355.000	(4.325.638.696)	(*)

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty Cổ phần Xây dựng số 2
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

18. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí giàn giáo cốp pha VND	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí dụng cụ văn phòng VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ	14.678.378.961	179.303.596	506.758.735	15.364.441.292
Tăng trong kỳ	10.667.538.559	2.298.647.654	-	12.966.186.213
Phân bổ trong kỳ	(4.255.862.945)	(108.121.538)	(346.651.264)	(4.710.635.747)
Số dư cuối kỳ	21.090.054.575	2.369.829.712	160.107.471	23.619.991.758

19. Phải trả người bán ngắn hạn

(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ 30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Công ty TNHH Lộc Phát	24.428.204.752	-
Công ty CP Licogi 13	10.539.322.613	12.539.322.613
Công ty CP Xây dựng thép Đất Việt	9.598.875.025	9.040.543.540
Nhà máy Nhôm Đông Anh	7.744.936.069	-
Công ty TNHH Việt Đức	11.230.709.900	10.536.936.228
Công ty CP Phát triển Xây dựng và Thương mại Việt Hàn	1.104.299.034	9.750.286.413
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Xuân Mai	4.050.958.797	6.850.958.797
Công ty CP Nền móng và Xây dựng	3.873.789.366	3.873.789.366
Công ty CP Thép và Thương mại Hà Nội	4.116.973.794	5.090.800.437
Công ty TNHH Tập đoàn Thang máy Thiết bị Thăng Long	1.341.480.000	6.841.480.000
Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Thu Ngân	2.059.992.173	6.323.700.773
Các nhà cung cấp khác	164.790.566.789	194.674.636.321
	244.880.108.312	265.522.454.488

(b) Phải trả người bán là các công ty liên quan

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ 30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Các công ty liên quan	525.042.750	4.536.209.711

Khoản phải trả thương mại đối với các công ty liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả khi được yêu cầu.

Công ty Cổ phần Xây dựng số 2
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

20. Người mua trả tiền trước

(a) Người mua trả tiền trước chi tiết theo các dự án lớn

	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Công trình tòa nhà B - 45 tầng Kim Văn	51.520.805.620	-
Công trình tòa nhà C36 Kim Văn - Kim Lũ	449.680.707.285	537.486.314.681
Dự án Kim Văn - Biệt thự TT2	117.753.875.468	102.249.742.971
Dự án Quang Minh	31.467.248.859	27.446.721.211
Dự án Kim Văn - Nhà liền kề TT3	18.108.806.166	15.929.329.797
Công trình 2B Vinata Tower	22.739.462.800	-
Công trình di dời Công ty Thuốc lá Thăng Long	-	15.345.068.191
Các dự án khác	10.025.476.867	46.896.685.382
	701.296.383.065	745.353.862.233

(b) Người mua trả tiền trước chi tiết theo kỳ hạn

	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Ngắn hạn	649.775.577.445	745.353.862.233
Dài hạn	51.520.805.620	-
	701.296.383.065	745.353.862.233

21. Thuế và các khoản khác phải thu và phải nộp Nhà nước

(a) Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	1/1/2017 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp trong kỳ VND	30/6/2017 VND
Thuế đã nộp cho Nhà nước sẽ được hoàn lại				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	558.011.204	(558.011.204)	-	-
Thuế giá trị gia tăng	1.623.937.768	(248.851.668)	81.314.537	1.456.400.637
	2.181.948.972	(806.862.872)	81.314.537	1.456.400.637

Công ty Cổ phần Xây dựng số 2**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(b) Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước**

	1/1/2017 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp/bù trừ trong kỳ VND	30/6/2017 VND
Thuế giá trị gia tăng	13.670.437.951	74.710.739.366	(64.690.712.598)	23.690.464.719
Thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty	5.950.539.380	6.464.754.733	(10.180.523.541)	2.234.770.572
Thuế thu nhập doanh nghiệp ấn định từ các khoản khách hàng ứng trước	1.416.070.832	-	(1.000.000.000)	416.070.832
Thuế thu nhập cá nhân	730.460.332	1.747.820.225	(1.948.990.495)	529.290.062
Các loại thuế khác	-	1.185.035.925	(1.185.035.925)	-
	21.767.508.495	84.108.350.249	(79.005.262.559)	26.870.596.185

22. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Trích trước giá vốn cho bất động sản đã bán	120.391.564.921	95.935.974.087
Lãi vay ngân hàng	674.715.531	29.380.780.404
Các khoản trích trước khác	8.027.377.177	7.012.818.396
	129.093.657.629	132.329.572.887

Công ty Cổ phần Xây dựng số 2
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

23. Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	145.532.355	13.233.961
Bảo hiểm xã hội	1.065.438.597	60.524.087
Phải trả các đội xây dựng	145.148.800.787	199.278.492.607
Cổ tức phải trả cho các cổ đông	15.086.808.922	114.109.681
Tiền sử dụng đất Dự án Kim Văn	172.301.048.166	414.406.489.166
Công trình An Khánh	12.613.633.328	12.618.945.900
Tiền phạt chậm nộp thuế	-	9.417.298.089
Phí quản lý chung cư nhà D36 Dự án Kim Văn	8.045.880.102	8.045.880.102
Đặt cọc phải trả khoản chuyển nhượng cổ phiếu	23.000.000.000	-
Công ty Tài chính Cổ phần Vinaconex Viettel	29.628.769.866	25.444.645.046
Các khoản phải trả, phải nộp khác		
	<hr/>	<hr/>
	407.035.912.123	669.399.618.639
	<hr/>	<hr/>

2-C
 /
 TY
 H HỮU
 M G
 M -

Công ty Cổ phần Xây dựng số 2

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

24. Các khoản vay

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2017		Biến động trong kỳ		30/6/2017	
	Giá trị ghi số VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi số VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	376.082.134.795	376.082.134.795	321.943.766.835	(201.469.022.830)	496.556.878.800	496.556.878.800
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 24(b))	1.073.858.750	1.073.858.750	2.292.144.000	(1.073.858.750)	2.292.144.000	2.292.144.000
	377.155.993.545	377.155.993.545	324.235.910.835	(202.542.881.580)	498.849.022.800	498.849.022.800

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Sở giao dịch 1 (i)	VND	9,4% - 9,7%	442.867.480.212	323.186.107.788
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Nam Thăng Long (ii)	VND	8,5%	42.769.068.627	43.296.429.363
Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Hoàng Quốc Việt (iii)	VND	7,0%	5.826.300.000	4.136.293.863
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Quang Trung (iv)	VND	7,7%	1.046.753.000	-
Công ty CP BOT 38 (v)	VND	0%	3.000.000.000	3.000.000.000
Khoản vay từ các cá nhân (v)	VND	4,5% - 8%	1.047.276.961	2.463.303.781
			496.556.878.800	376.082.134.795

Công ty Cổ phần Xây dựng số 2**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- (i) Khoản vay này được đảm bảo bằng Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn trị giá 120.000 triệu VND (Thuyết minh 8 và Thuyết minh 9) cùng một số tài sản bao gồm Sổ chứng nhận cổ đông của Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực Hà Nội và một số tài sản khác đã khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 (1/1/2017: Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn trị giá 115.000 triệu VND (Thuyết minh 8 và Thuyết minh 9) cùng một số tài sản bao gồm Sổ chứng nhận cổ đông của Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực Hà Nội và một số tài sản khác đã khấu hao hết tại ngày 1 tháng 1 năm 2017).
- (ii) Khoản vay này được đảm bảo bằng Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn trị giá 31.218 VND (Thuyết minh 9) (1/1/2017: Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn trị giá 30.852 triệu VND (Thuyết minh 9)).
- (iii) Khoản vay này được đảm bảo bằng quyền đòi nợ từ các công trình do Ngân hàng tham gia tài trợ.
- (iv) Khoản vay này được đảm bảo bằng Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn trị giá 3.220 triệu VND (Thuyết minh 9) (1/1/2017: Không).
- (v) Khoản vay từ Công ty Cổ phần BOT 38 và từ các cá nhân là các khoản vay không được đảm bảo.

(b) Vay dài hạn

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	VND	Thả nổi	2016	-	1.073.858.750
Ngân hàng BIDV – SGDI (v)	VND	10,4%	2020	6.876.436.000	-
Khoản vay cá nhân (vi)	VND	4,0%		520.000.000	520.000.000
				7.396.436.000	1.593.858.750
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 24(a))				(2.292.144.000)	(1.073.858.750)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng				5.104.292.000	520.000.000

- (v) Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định có giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 8.806 triệu VND (Thuyết minh 14) (1/1/2017: Không).
- (vi) Các khoản vay từ các cá nhân bao gồm các khoản vay từ các cá nhân được Công ty tạo điều kiện đi lao động nước ngoài với lãi suất 4%/năm. Các khoản vay này sẽ được hoàn trả khi cá nhân về nước.

Công ty Cổ phần Xây dựng số 2

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

25. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1/1/2016	120.000.000.000	55.635.488.056	(4.414.049.178)	80.532.805.702	1.667.255.027	18.217.271.622	5.074.450.725	276.713.221.954
Tái phát hành cổ phiếu quỹ	-	(2.413.829.104)	4.414.049.178	-	-	-	-	2.000.220.074
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	2.273.213.624	(93.207.354)	2.180.006.270
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(2.214.339.413)	-	(2.214.339.413)
Cổ tức (Thuyết minh 27)	-	-	-	-	-	(14.237.404.800)	-	(14.237.404.800)
Tặng/(giảm) khác	-	(12.418)	-	(2.051.886)	-	13.395.987	77.668.317	89.000.000
Số dư tại ngày 30/6/2016	120.000.000.000	53.221.646.534	-	80.530.753.816	1.667.255.027	4.052.137.020	5.058.911.688	264.530.704.085
Số dư tại ngày 1/1/2017	150.000.000.000	23.221.689.196	-	80.537.803.275	1.667.255.027	17.478.327.269	5.966.099.226	278.871.173.993
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	13.496.554.281	454.173.075	13.950.727.356
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	-	-	(2.217.407.795)	-	(2.217.407.795)
Cổ tức (Thuyết minh 27)	-	-	-	-	-	(15.000.000.000)	-	(15.000.000.000)
Biến động khác	-	(2.730.000)	-	-	-	-	2.730.000	-
Số dư tại ngày 30/6/2017	150.000.000.000	23.218.959.196	-	80.537.803.275	1.667.255.027	13.757.473.755	6.423.002.301	275.604.493.554

1/10/2017

Công ty Cổ phần Xây dựng số 2
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

26. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2017		1/1/2017	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	15.000.000	150.000.000.000	15.000.000	150.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	15.000.000	150.000.000.000	15.000.000	150.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	15.000.000	150.000.000.000	15.000.000	150.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Biến động vốn cổ phần trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày				Năm kết thúc ngày	
	30/6/2017		30/6/2016		31/12/2016	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu kỳ/năm	15.000.000	150.000.000.000	11.864.504	115.585.950.822	11.864.504	115.585.950.822
Tái phát hành cổ phiếu quỹ trong kỳ/năm	-	-	135.496	4.414.049.178	135.496	4.414.049.178
Phát hành cổ phiếu từ nguồn thặng dư vốn cổ phần	-	-	-	-	3.000.000	30.000.000.000
Số dư cuối kỳ/năm	15.000.000	150.000.000.000	12.000.000	120.000.000.000	15.000.000	150.000.000.000

Công ty Cổ phần Xây dựng số 2
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

27. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 21 tháng 3 năm 2017, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức 15.000 triệu VND (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016: 14.237 triệu VND).

28. Các quỹ thuộc nguồn vốn chủ sở hữu

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai. Khi quỹ được sử dụng để phát triển kinh doanh, khoản tiền đã sử dụng được chuyển sang Vốn cổ phần.

29. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Tổng doanh thu		
▪ Doanh thu hoạt động xây lắp	569.874.635.326	190.020.100.014
▪ Doanh thu hoạt động kinh doanh bất động sản	404.842.100.919	126.879.658.418
▪ Khác	2.147.513.999	1.398.800.065
	<hr/>	<hr/>
	976.864.250.244	318.298.558.497
	<hr/>	<hr/>

CH
C
Y
H
H
G
T.P.

Công ty Cổ phần Xây dựng số 2

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

30. Giá vốn hàng bán

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
▪ Hoạt động xây lắp	531.519.494.987	175.198.670.121
▪ Hoạt động kinh doanh bất động sản	365.379.196.139	113.739.346.482
▪ Khác	1.272.175.592	944.462.630
	<hr/>	<hr/>
	898.170.866.718	289.882.479.233

31. Chi phí tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Chi phí lãi vay	13.046.031.615	6.167.249.243
Hoàn nhập dự phòng	(874.503.840)	(617.149.880)
	<hr/>	<hr/>
	12.171.527.775	5.550.099.363

32. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Chi phí nhân công	16.657.391.794	13.611.123.808
Chi phí khấu hao	1.255.941.023	1.995.417.915
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.133.449.558	2.438.851.333
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	6.177.862.582	3.426.829.088
	<hr/>	<hr/>
	29.224.644.957	21.472.222.144

Công ty Cổ phần Xây dựng số 2**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***33. Chi phí khác**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
Phạt thuế	8.873.393.621	-
Các khoản hoàn nhập và chi phí khác	(182.944.258)	43.520.603
	8.690.449.363	43.520.603

34. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	456.483.287.125	185.918.738.183
Chi phí nhân công	174.141.562.008	145.077.456.303
Chi phí khấu hao	1.971.487.486	3.464.996.241
Chi phí dịch vụ mua ngoài	78.763.024.246	112.338.716.049
Chi phí khác	8.089.354.436	7.237.195.756

35. Thuế thu nhập doanh nghiệp**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	5.115.860.091	1.094.423.908
Dự phòng thiếu trong những kỳ trước	1.906.905.846	-
	7.022.765.937	1.094.423.908
Lợi ích thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(73.389.865)	(15.791.946)
	6.949.376.072	1.078.631.962

Công ty Cổ phần Xây dựng số 2
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2017	Hoạt động xây lắp và hoạt động khác VND	Hoạt động kinh doanh bất động sản VND	Tổng cộng VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	7.026.434.199	13.873.669.229	20.900.103.428
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	1.405.286.840	2.774.733.846	4.180.020.686
Chi phí không được khấu trừ thuế	1.337.888.122	879.132.177	2.217.020.299
Thu nhập đã bị tính thuế những kỳ trước	(1.281.180.894)	-	(1.281.180.894)
Các khoản được khấu trừ khác	(73.389.865)	-	(73.389.865)
Dự phòng thiếu trong những kỳ trước	1.906.905.846	-	1.906.905.846
	3.295.510.049	3.653.866.023	6.949.376.072
Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016			
(Lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế	(2.201.434.256)	5.460.072.488	3.258.638.232
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	(440.286.851)	1.092.014.498	651.727.647
Chi phí không được khấu trừ thuế	100.586.950	2.409.410	102.996.360
Lỗ tính thuế không được ghi nhận	339.699.901	-	339.699.901
Các khoản khác	(15.791.946)	-	(15.791.946)
	(15.791.946)	1.094.423.908	1.078.631.962

(c) Thuế suất áp dụng

Kể từ năm 2016, Công ty và công ty con có nghĩa vụ phải nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Công ty Cổ phần Xây dựng số 2**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***36. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông, sau khi trừ đi số dự kiến phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

(a) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017 (Số cổ phiếu)	30/6/2016 (Số cổ phiếu)
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành kỳ trước mang sang	15.000.000	11.864.504
Ảnh hưởng của việc phát hành lại cổ phiếu quỹ	-	32.401
Ảnh hưởng của phát hành cổ phiếu thưởng từ thặng dư vốn cổ phần ngày 20 tháng 7 năm 2016	-	3.000.000
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông trong kỳ	15.000.000	14.896.905

(b) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
Lợi nhuận thuần hợp nhất thuộc về các cổ đông (VND)	13.496.554.281	2.273.213.624
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (*) (VND)	-	-
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông (VND)	13.496.554.281	2.273.213.624
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông trong kỳ (cổ phiếu)	15.000.000	14.896.905
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	900	153

(*) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo do Đại hội đồng Cổ đông chưa quyết định tỷ lệ trích vào quỹ này cho năm tiếp theo. Nếu Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông sẽ giảm đi.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty không có các cổ phiếu tiềm năng có tác động suy giảm. Do vậy yêu cầu trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

Công ty Cổ phần Xây dựng số 2
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

37. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trong kỳ Công ty và các công ty con có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch	
	cho kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
Công ty mẹ - Tổng Công ty CP Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam		
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	257.341.318.395	46.343.967.222
Cổ tức phải trả	7.685.142.000	7.377.736.800
Các công ty liên quan khác		
Công ty Cổ phần Xây dựng số 1		
Mua hàng hóa và dịch vụ	296.166.364	1.271.310.452
Công ty Cổ phần Xây dựng số 12		
Mua hàng hóa và dịch vụ	1.835.341.908	-
Công ty Cổ phần VIMECO		
Mua hàng hóa và dịch vụ	634.683.682	-
Công ty Cổ phần Viwaco		
Mua hàng hóa và dịch vụ	395.287.058	602.877.000
Các bên liên quan khác		
Thành viên Ban Tổng Giám đốc		
Tiền lương và thưởng	1.339.747.045	1.918.767.446
Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát		
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	306.000.000	306.000.000



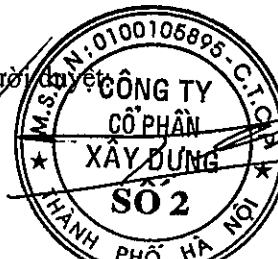
14 -08- 2017

Người lập:

Nguyễn Thị Hưng Hoa
 Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

Đỗ Quang Việt
 Kế toán trưởng



Trần Ngọc Long
 Tổng Giám đốc